CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings

Ngày 31/12/2025	4,930 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.4%	**-**	**-5.2%**

DT thuần
Q4/25
650
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 314| 93.4%
YoY: ▲ 96.0| 17.3%

LN thuần
Q4/25
9.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.65| 21.8%
YoY: ▼2.99| -24.5%

LN sau thuế
Q4/25
13.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.95| 82.0%
YoY: ▲ 12.2| 1168%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
5.5%
YoY: +/-▲ 1.7%

ROE
2025
3.3%
YoY: +/-▲ 2.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,600 - 6,390
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
Số lượng CPLH (CP)	50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	164,630
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.44
EPS	442
P/E	11.2

DT thuần
2025
1,536
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.0| -1.4%

LN thuần
2025
22.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.10| 29.7%

LN sau thuế
2025
22.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 378%

Cơ cấu sở hữu

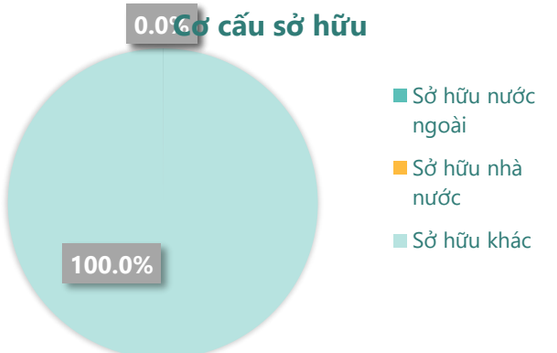

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

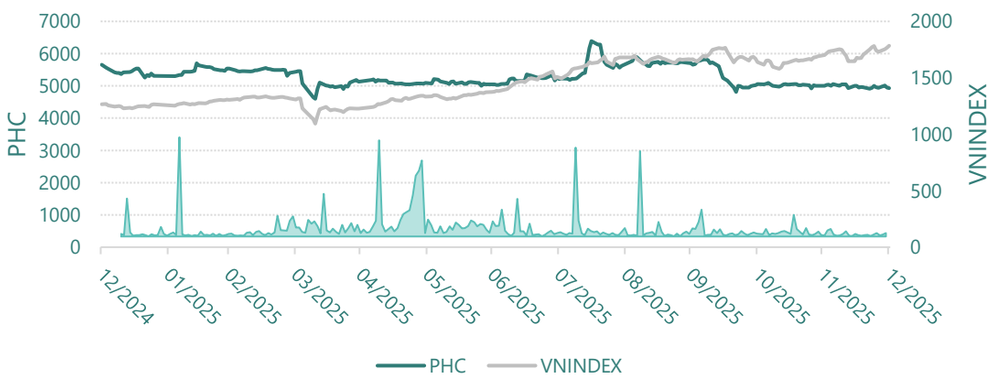

Cơ cấu cổ đông

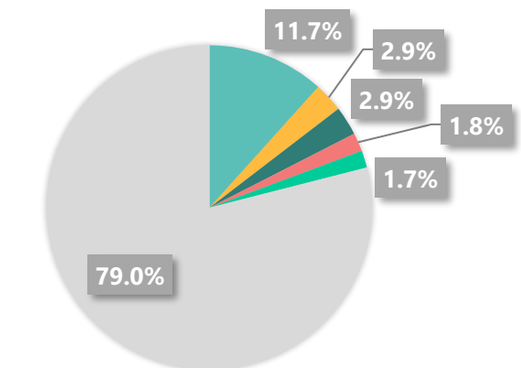

- Cao Tùng Lâm (Chủ tịch HĐQT)
- Bùi Thị Vân Anh
- Nguyễn Công Khanh (Thành viên HĐQT)
- Trần Huy Tưởng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Đức Thắng (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

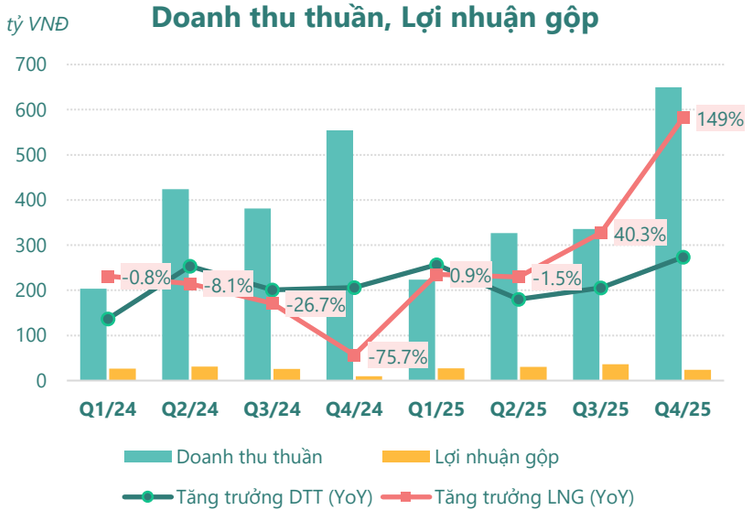

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

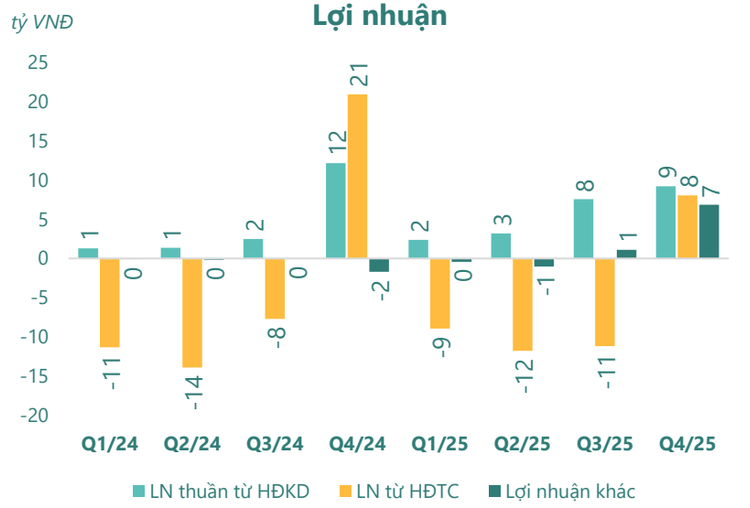

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

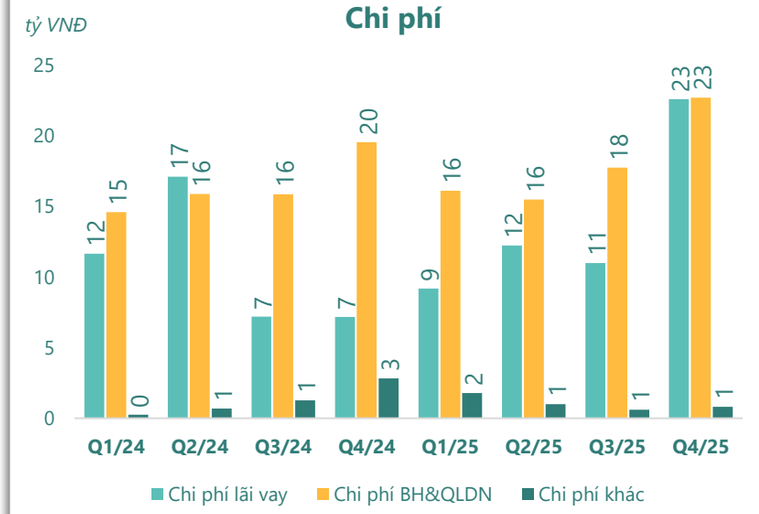

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

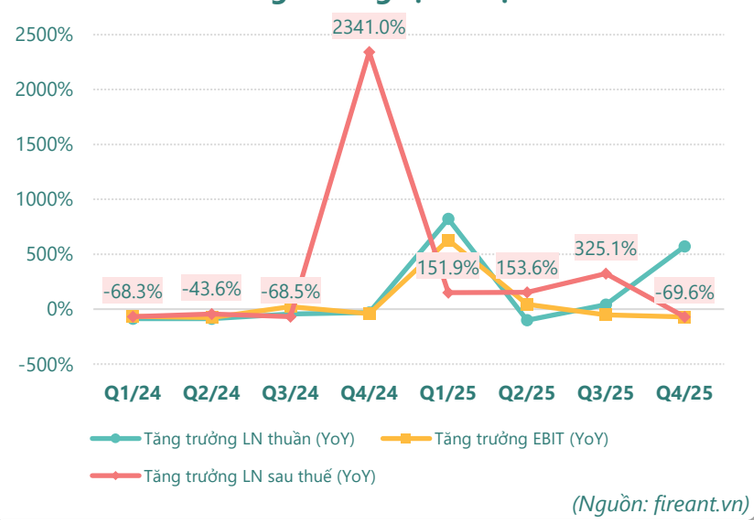

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

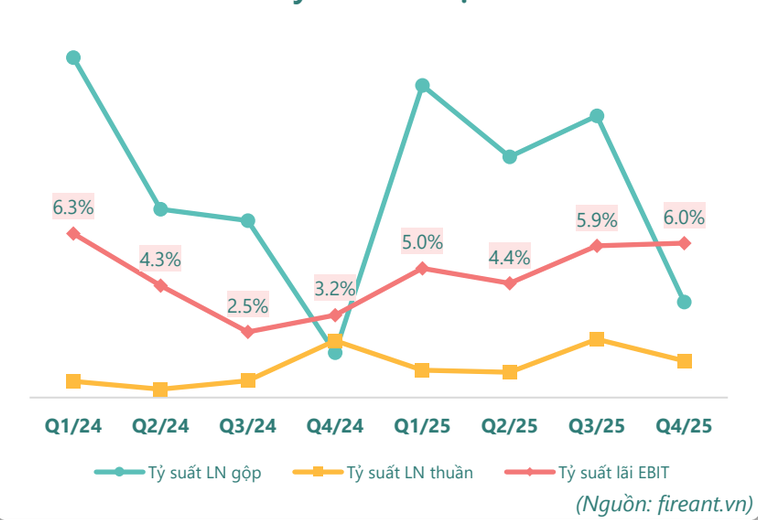

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

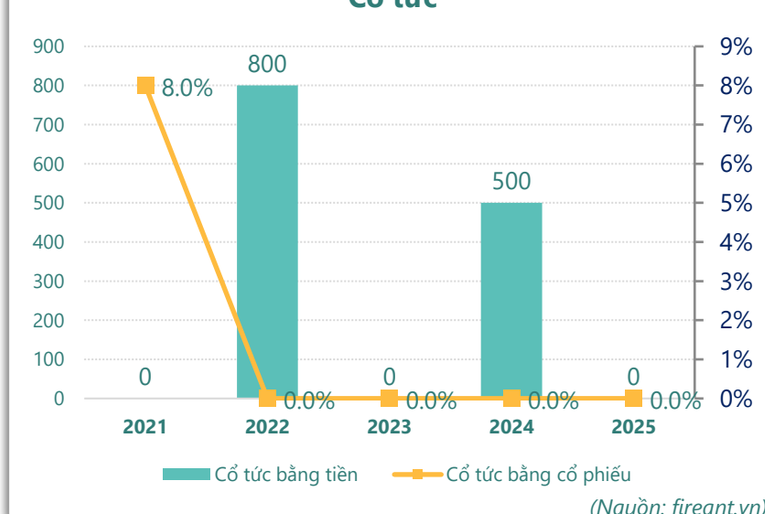

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

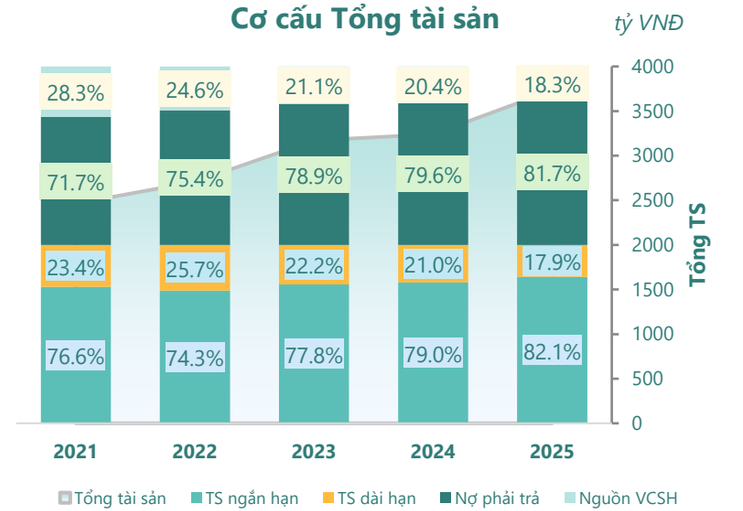

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

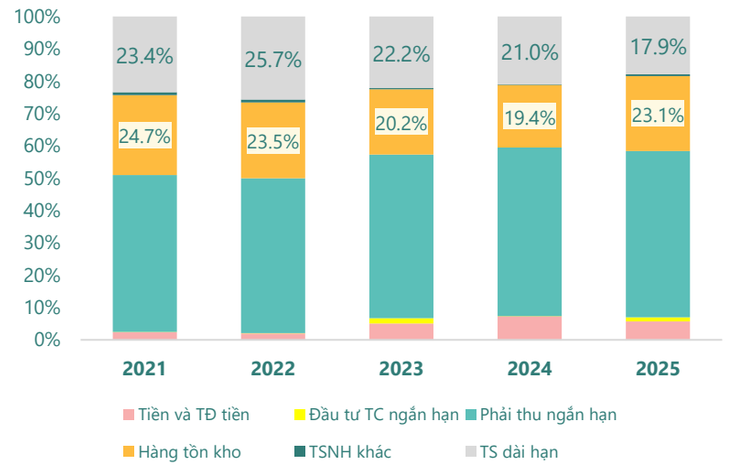

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

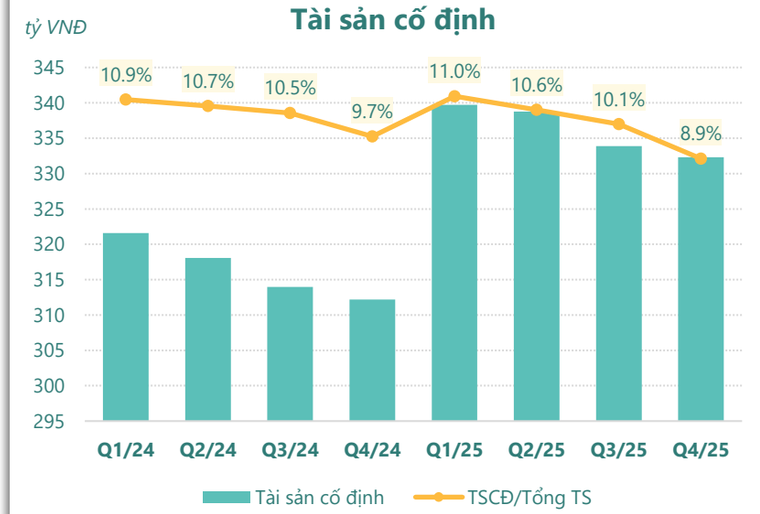

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

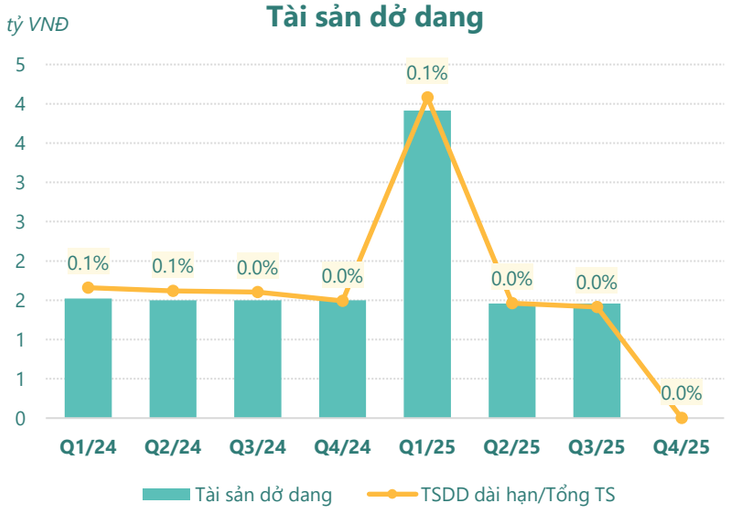

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

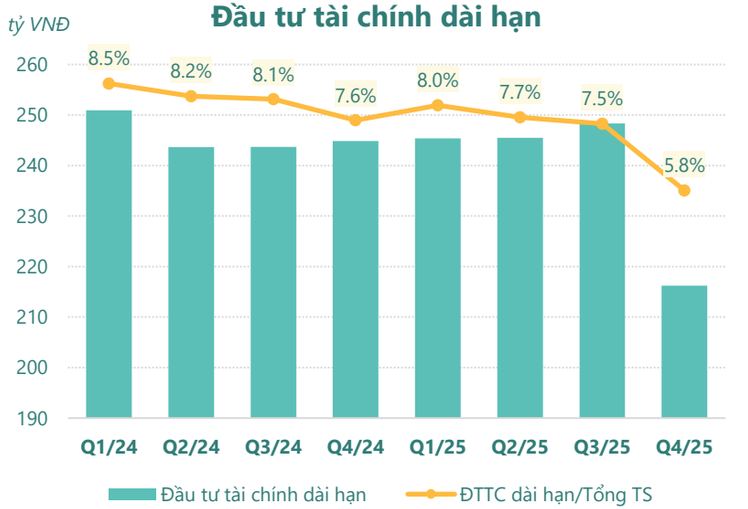

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

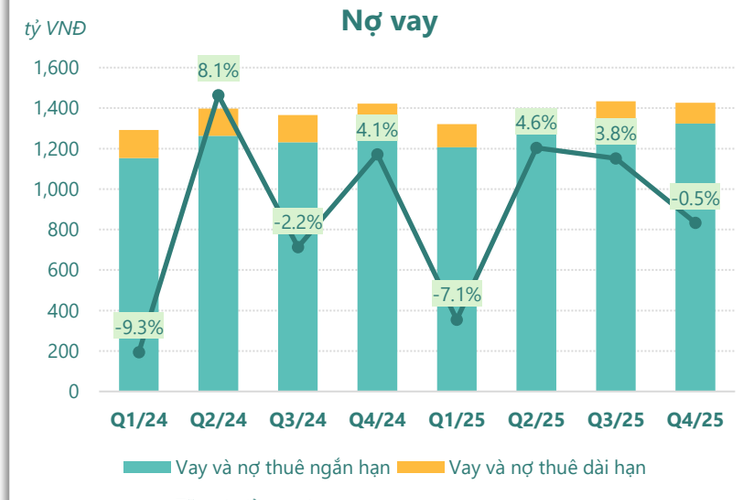

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

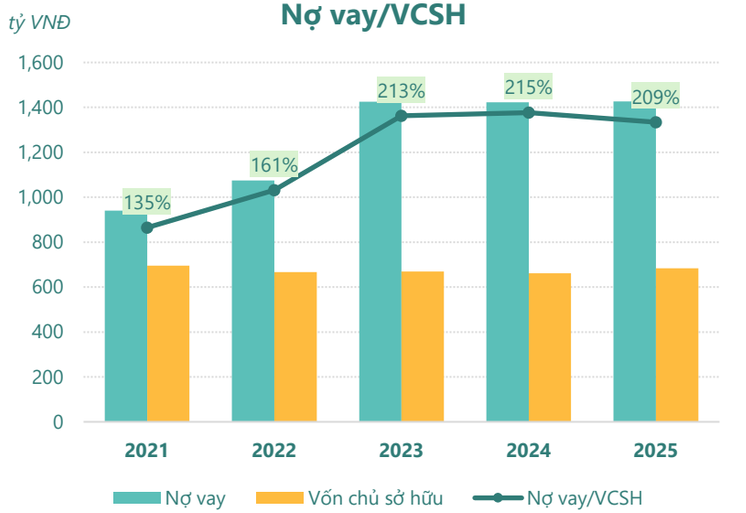

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

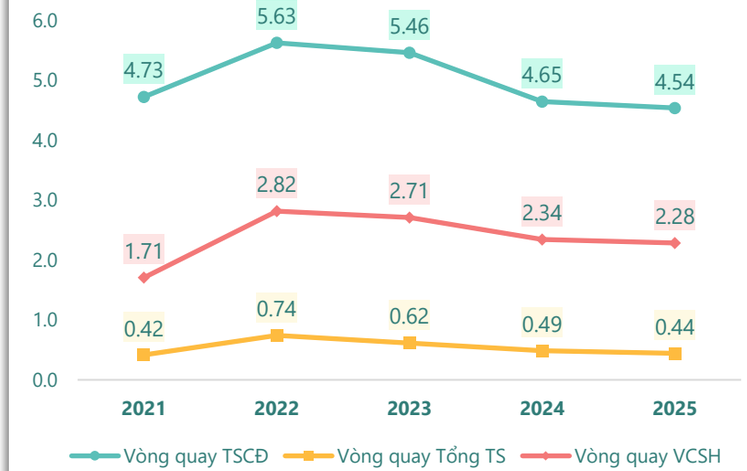

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

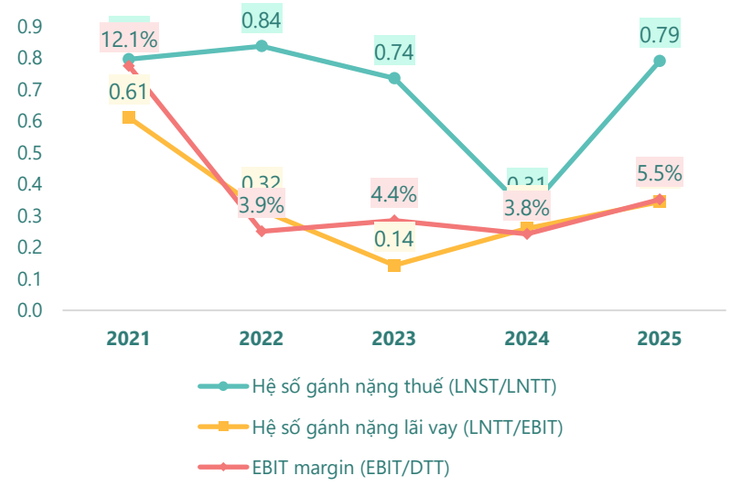

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

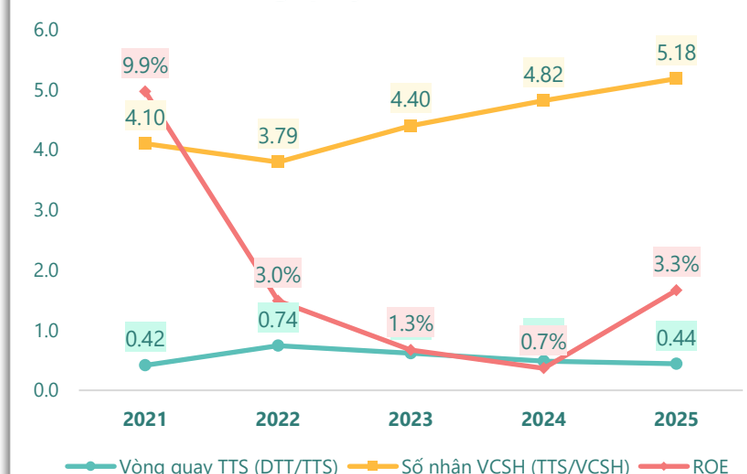

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

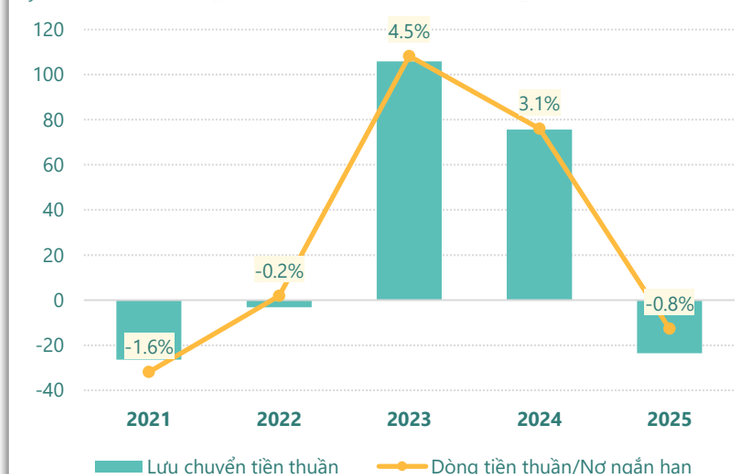

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**650**	**554**	**17.3%**	**1,536**	**1,558**	**-1.4%**
Giá vốn hàng bán	626	545	14.8%	1,418	1,471	-3.6%
Lợi nhuận gộp	23.9	9.60	149%	118	87.5	34.5%
Doanh thu HĐTC	31.5	29.1	8.2%	33.7	38.8	-13.2%
Chi phí TC	23.4	8.19	186%	57.5	45.8	25.6%
Chi phí lãi vay	22.6	7.17	215%	55.0	43.4	26.7%
LN trong công ty LKLD	**-0.09**	**1.17**	**-108%**	**0.51**	**2.05**	**-75.1%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**22.7**	**19.6**	**15.9%**	**72.1**	**65.4**	**10.3%**
LN thuần từ HĐKD	9.21	12.2	-24.5%	22.3	17.2	29.7%
Lợi nhuận khác	**6.85**	**-1.69**	**505%**	**6.54**	**-1.98**	**431%**
LN trước thuế	16.1	10.5	53.0%	28.8	15.2	89.5%
Lợi nhuận sau thuế	**13.2**	**1.04**	**1168%**	**22.8**	**4.78**	**378%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.2**	**1.06**	**1055%**	**22.4**	**4.87**	**360%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.2	159	-86.8	-28.5	15.6	129
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.62	0.37	-10.7	-34.9	-8.24	-3.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.0	58.0	-101	60.2	53.0	-7.86
Tiền đầu kỳ	71.5	18.9	236	37.8	34.5	94.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-52.6**	**217**	**-199**	**-3.24**	**60.4**	**118**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.9	236	37.8	34.5	94.9	213

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,732**	**3,240**	**15.2%**
Tài sản ngắn hạn	3,063	2,560	19.7%
Tiền và tương đương tiền	213	236	-10.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.7	2.00	2339%
Phải thu ngắn hạn	1,919	1,689	13.6%
Hàng tồn kho	862	628	37.3%
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	4.92	331%
Tài sản dài hạn	**668**	**681**	**-1.8%**
Phải thu dài hạn	0.29	0.85	-65.7%
Tài sản cố định	332	344	-3.5%
Bất động sản đầu tư	98.2	67.0	46.5%
Tài sản dở dang	0	1.46	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	216	245	-11.7%
Tài sản dài hạn khác	**17.2**	**17.3**	**-0.6%**
Lợi thế thương mại	4.28	4.76	-10.1%
Nợ phải trả	3,048	2,579	18.2%
Nợ ngắn hạn	**2,944**	**2,459**	**19.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,323	1,303	1.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	761	761	0.0%
Nợ dài hạn	103	120	-13.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	103	120	-13.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**684**	**661**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**684**	**661**	**3.5%**
Vốn điều lệ	507	507	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)